

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **91/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 30 – 09 – 2022
V/v “*Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con chung*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** – Kiểm Sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2022/TLST-HNGD, ngày 25 tháng 07 năm 2022, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05 tháng 09 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Thị Ngọc D**, sinh ngày 15/04/1996

Địa chỉ: Ấp LS, xã BT, huyện GR, tỉnh KG

(Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

* *Bị đơn:* Anh **Danh Tú T**, sinh ngày 12/02/1999

Địa chỉ: Ấp HL, xã TL, huyện CT, tỉnh KG

(Anh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/07/2022, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Ngọc D trình bày:*

Vào đầu năm 2021, chị và anh Danh Tú T tự tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 01/11/2021. Trong thời gian chung sống anh chị có 01 người con chung tên Danh Hoàng D1, sinh ngày 09/05/2022, hiện đang sinh sống cùng chị D.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do chị và anh T chưa tìm hiểu kỹ về nhau trước khi tiến tới hôn nhân, nên khi về chung sống anh chị thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm với nhau. Mặc dù chị và anh T đã nhiều lần cho cơ hội cho nhau, tự khắc phục sửa chữa khuyết điểm của nhau, để vợ chồng có thể hàn gắn nhưng không thành dẫn đến tình trạng cãi nhau ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị vẫn cố gắng níu kéo nhưng anh T không chấp nhận và tự ý bỏ ra đi khi chị mới mang thai được 04 tháng và bỏ mặc mẹ con chị tự sinh đẻ và sinh sống cho đến nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Chị Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt chị đã yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Danh Tú T.
- Về việc nuôi con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Danh Hoàng D1, sinh ngày 09/05/2022, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.
- Về T sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh Tú T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thông báo thụ lý vụ án nhưng anh T cố tình trốn tránh không nhận nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Qua thời gian luật định anh T vẫn không có bản tự khai và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để cho vợ chồng chị Thị Ngọc D và anh Danh Tú T có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án cũng đã triệu tập anh T đến lần thứ hai nhưng

anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thị Ngọc D đối với anh Danh Tú T. Cho chị Thị Ngọc D được ly hôn với anh Danh Tú T.

Về con chung: Giao cháu Danh Hoàng D1, sinh ngày 09/05/2022 cho chị Thị Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bởi vì kể từ sau khi anh T tự ý bỏ đi khi chị D đang mang thai 04 tháng thì chị Thị Ngọc D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1, do đó cần giao cháu D1 cho chị Thị Ngọc D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về T sản chung và nợ chung: Chị Thị Ngọc D xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Ngọc D thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Thị Ngọc D yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Danh Tú T và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Danh Hoàng Dĩ, sinh ngày 09/05/2022, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi

con. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Thị Ngọc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Danh Tú T đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Danh Tú T.

[4] - Về nội dung: Chị Thị Ngọc D và anh Danh Tú T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện GR, tỉnh KG vào ngày 01/11/2021 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị Ngọc D yêu cầu ly hôn với anh Danh Tú T: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị D xác nhận, sau khi kết hôn chị và anh T sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị D nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, đồng thời anh T tự ý bỏ đi không quan tâm chăm sóc chị D khi chị mang thai được 04 tháng đến nay. Đối với anh Danh Tú T mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên chị Thị Ngọc D và anh Danh Tú T có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để anh T có mặt tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh T vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh T không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với chị Thị Ngọc D. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị Thị Ngọc D và anh Danh Tú T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị D cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh T. Do đó việc xin ly hôn của chị D đối với anh T là hoàn toàn có căn cứ phù hợp tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị Ngọc D đối với anh Danh Tú T.

[5] - Về con chung: Chị Thị Ngọc D xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung Danh Hoàng D1, sinh ngày 09/05/2022 hiện đang sống cùng chị. Nay chị D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu D1 và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ sau khi anh T tự ý bỏ đi khi chị D mang thai được 04 tháng đến nay, người

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1 là chị D và chị vẫn chăm sóc tốt cho cháu D1 nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị D giao cháu Dĩ cho chị Thị Ngọc D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu. Anh Danh Tú T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị Thị Ngọc D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] - Về T sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về T sản chung và nợ chung giữa chị Thị Ngọc D và anh T được. Hơn nữa căn cứ vào lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Thị Ngọc D xác nhận vợ chồng chị không tạo lập được T sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần T sản chung và nợ chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[8] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc chị Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ tiền án phí nhưng chị Thị Ngọc D được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009562, ngày 19/07/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 2, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Thị Ngọc D đối với bị đơn anh Danh Tú T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Thị Ngọc D được ly hôn với bị đơn anh Danh Tú T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Danh Hoàng D1, sinh ngày 09/05/2022 cho chị Thị Ngọc D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Danh Tú T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về T sản chung và nợ chung: Chị Thị Ngọc D xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thị Ngọc D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009562, ngày 19/07/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Đầu